THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 515/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Nghị quyết số 572/NQ-UBTVQH15 ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 15 về hoạt động chất vấn tại phiên họp thứ 14;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW

ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi

a) Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước và tại một số quốc gia có mối quan hệ văn hóa lâu dài với Việt Nam. Trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình để đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm theo nhóm mục tiêu đã được xác định.

b) Chương trình tập trung vào các hoạt động thuộc các lĩnh vực cụ thể, gồm: di sản văn hóa; văn hóa cơ sở; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; điện ảnh; thư viện; đào tạo; văn hóa dân tộc; văn hóa đối ngoại; công nghiệp văn hóa,...

c) Chương trình không bao gồm các hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí vốn cho hoạt động thường xuyên của các cơ quan quản lý Nhà nước, cho các Chương trình, Đề án, nhiệm vụ khác.

2. Đối tượng

a) Di sản văn hóa thế giới, di tích được công nhận di tích quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia.

b) Di sản văn hóa phi vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) công nhận; di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu hoặc nguy cơ mai một.

c) Các thiết chế văn hóa, không gian văn hóa sáng tạo; đội tuyên truyền lưu động; các đồn Biên phòng; các cơ sở, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em.

d) Đội ngũ văn nghệ sỹ, đội ngũ trí thức, nhân lực quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa.

đ) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về văn hóa, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đồng thời phổ biến, truyền thông nâng cao nhận thức về Chương trình

a) Đồng bộ hệ thống pháp luật về phát triển văn hóa, bảo đảm kịp thời thể chế hóa các Nghị quyết, chủ trương của Đảng.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, hợp tác công tư cho phát triển văn hóa, các ngành công nghiệp văn hóa.

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách bảo tồn di sản, tài nguyên văn hóa đặc thù: Nghiên cứu, sửa đổi Luật Di sản văn hóa, Luật Quảng cáo.

b) Xây dựng thể chế văn hóa trong xã hội số; hoàn thiện quy định pháp luật về quyền tác giả; đổi mới chính sách đãi ngộ tôn vinh tài năng và cống hiến đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hóa.

c) Tăng cường truyền thông về vị trí, vai trò của văn hóa, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa, Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 và phát biểu quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021.

d) Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến sâu rộng về các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư, đội ngũ những người làm văn hóa, xác định rõ vai trò từng chủ thể trong thực hiện Chương trình.

2. Bảo tồn, phát huy bền vững các giá trị văn hóa của dân tộc

a) Triển khai các chương trình, nhiệm vụ bảo quản, tu bổ, phục hồi và tôn tạo cho khoảng 02 di sản văn hóa, thiên nhiên được UNESCO ghi danh; khoảng 15 di tích quốc gia đặc biệt có giá trị đang xuống cấp nghiêm trọng. Hỗ trợ chống xuống cấp, tu sửa cấp thiết khoảng 150 di tích cấp quốc gia.

b) Đẩy mạnh xây dựng hồ sơ khoa học các di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu hoặc có nguy cơ mai một, cần được bảo vệ khẩn cấp để ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản thế giới.

c) Đẩy mạnh công tác sưu tầm tài liệu cổ, quý hiếm có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học.

d) Nâng cấp, cải tạo một số bảo tàng công lập cấp quốc gia. Nghiên cứu, thành lập các bảo tàng chuyên ngành cấp quốc gia về nghệ thuật đương đại, nghệ thuật nhiếp ảnh; trung tâm quốc gia về bảo quản hiện vật.

đ) Nghiên cứu, triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Phát triển các ứng dụng trải nghiệm thực tế ảo, nghiên cứu khai thác những giá trị về nghệ thuật truyền thống trong các kho dữ liệu đang có.

e) Hỗ trợ các hoạt động truyền dạy, bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận và bảo tồn, phát huy tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa

a) Tăng cường năng lực cơ sở vật chất, hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, 50 khu vui chơi, giải trí dành cho trẻ em tại các khu công nghiệp, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn và các địa phương không tự cân đối được ngân sách.

b) Nghiên cứu phát triển tổ hợp Trung tâm Nghệ thuật biểu diễn quốc gia; xây dựng Dàn nhạc dân tộc quốc gia Việt Nam.

c) Tăng cường năng lực về cơ sở vật chất kỹ thuật ngành điện ảnh phù hợp với xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới. Triển khai "Trung tâm phát hành và phổ biến phim trực tuyến".

d) Tăng cường năng lực hoạt động thư viện số. Hoàn chỉnh hệ cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu thư viện Việt Nam, tài nguyên thông tin mở và Trung tâm bảo quản tài nguyên thông tin số quốc gia, có khả năng liên thông với thư viện trong nước và nước ngoài.

4. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần, năng lực thẩm mỹ của nhân dân

a) Nghiên cứu xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị và chuẩn mực ứng xử của người Việt Nam; chuẩn mực về văn hóa trong công sở, của công chức, cộng đồng; quy tắc ứng xử văn hóa, văn minh trong môi trường số.

b) Xây dựng và hỗ trợ phát triển không gian trải nghiệm sách đa phương tiện hiện đại phục vụ phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng tại thư viện cấp tỉnh, thư viện cộng đồng ở những địa phương chưa có thư viện cấp xã.

c) Xây dựng và triển khai các hoạt động giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho thanh, thiếu niên Việt Nam, chương trình giáo dục nghệ thuật trong nhà trường.

d) Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số ở Việt Nam giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn 2045.

đ) Thúc đẩy hoạt động, hỗ trợ trang thiết bị cho các đội thông tin, tuyên truyền lưu động tại vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

5. Phát triển đội ngũ văn nghệ sỹ, trí thức và nguồn nhân lực quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa

a) Xây dựng chương trình khoa học nghiên cứu cơ bản về văn hóa, về văn hóa trong xã hội số, văn hóa đặc thù của các dân tộc, nghệ thuật đỉnh cao, nghệ thuật truyền thống.

b) Nâng cao năng lực, xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản về văn hóa, cán bộ quản lý văn hóa tầm chiến lược, hoạch định, tư vấn xây dựng chính sách phát triển ngành.

c) Đào tạo, bồi dưỡng 100 chuyên gia, cán bộ chuyên môn về biên kịch, lý luận và phê bình, giám tuyển, giám định thuộc các lĩnh vực: điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và về giám định cổ vật.

d) Lựa chọn những văn nghệ sĩ, nghệ nhân, trí thức trẻ có năng lực, khả năng sáng tạo để đào tạo dài hạn, tham dự các khóa bồi dưỡng nâng cao ngắn hạn ở trong nước và nước ngoài.

đ) Trọng dụng, tuyển dụng nhà khoa học, văn nghệ sĩ tài năng, nghệ nhân các ngành, nghề truyền thống tham gia công tác đào tạo, giảng dạy trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

e) Tăng cường năng lực cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế cho 02 cơ sở giáo dục đại học, 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và một số viện nghiên cứu chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật theo mô hình tiên tiến thế giới, trong đó có ít nhất 01 đơn vị nghiên cứu, tư vấn chính sách, chiến lược phát triển của ngành văn hóa.

6. Phát triển các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật của Việt Nam có giá trị đỉnh cao về nghệ thuật và tư tưởng

a) Xây dựng và triển khai Chương trình sáng tác văn hóa nghệ thuật Việt Nam trong 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng.

b) Thực hiện và công bố khoảng 30 - 45 công trình nghiên cứu lý luận, phê bình về văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh có chất lượng; khoảng 35 tác phẩm, chương trình nghệ thuật biểu diễn quy mô lớn theo mô hình mới; khoảng 35 tác phẩm, công trình nghệ thuật biểu diễn thể nghiệm kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại.

c) Phấn đấu sản xuất trong một năm: khoảng 45 tác phẩm phim truyện điện ảnh; 90 tác phẩm phim tài liệu - khoa học và 40 tác phẩm phim hoạt hình (trong đó

có khoảng 30% số phim được đặt hàng từ ngân sách nhà nước); khoảng 45 tác phẩm, công trình điêu khắc mỹ thuật, 60 tác phẩm, công trình mỹ thuật, nhiếp ảnh về lịch sử dân tộc, đấu tranh cách mạng, công cuộc đổi mới đất nước.

d) Đẩy mạnh việc phát hành, phổ biến, quảng bá, xuất khẩu phim, tác phẩm nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam ra quốc tế; phổ biến phim phục vụ đồng bào dân tộc, đồng bào sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo; chiếu phim Việt Nam tại rạp.

đ) Phát triển công nghiệp văn hóa gắn với các không gian văn hóa sáng tạo thuộc các lĩnh vực trọng tâm như điện ảnh, nghệ thuật đương đại, giải trí truyền thông, thời trang tại các địa phương, thành phố lớn.

e) Xây dựng Bộ chỉ số văn hóa quốc gia vì sự phát triển bền vững và Bản đồ công nghiệp văn hóa. Tạo lập môi trường để liên kết, tương tác giữa các nghệ sĩ, người thực hành sáng tạo, các không gian văn hóa và doanh nghiệp, tạo thị trường cho các ngành công nghiệp văn hóa phát triển.

g) Thúc đẩy phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại. Tăng cường các chương trình biểu diễn các tác phẩm nổi tiếng thế giới trong lĩnh vực âm nhạc giao hưởng, múa ba lê (ballet), nhạc kịch, hợp xướng; triển khai nhà hát truyền hình, nhà hát trực tuyến (online) phát trên các nền tảng kỹ thuật số.

h) Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc các lĩnh vực văn hóa trong sản xuất, quảng bá, xúc tiến các dự án văn hóa, nghệ thuật có giá trị cao về nghệ thuật và tư tưởng.

i) Xây dựng công cụ để hỗ trợ phát hiện các vi phạm về quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường số và mạng internet.

7. Quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa và con người Việt Nam ra thế giới

a) Nâng cao năng lực vận hành, hoạt động của các trung tâm văn hóa Việt Nam tại Lào và Pháp. Tổ chức dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

b) Hỗ trợ các địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp tổ chức các hoạt động truyền thông, xúc tiến, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng số, mạng xã hội về hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam, sản phẩm văn hóa Việt Nam, tiềm năng và thế mạnh của địa phương tới bạn bè quốc tế.

c) Đăng cai, tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế có quy mô, uy tín; hình thành và phát triển được 03 - 05 thương hiệu festival, lễ hội, sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế có chất lượng tại Việt Nam.

d) Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật có chất lượng phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Thu hút đầu tư, sản xuất phim quảng bá văn hóa Việt Nam tại nước ngoài. Tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch có quy mô và uy tín của khu vực, quốc tế.

8. Huy động nguồn lực và quản lý thực hiện Chương trình

a) Đa dạng hóa các nguồn lực để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định. Ưu tiên tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước; có cơ chế huy động các nguồn lực từ xã hội tham gia thực hiện Chương trình, gắn trách nhiệm của nhà đầu tư cơ sở hạ tầng đối với phát triển văn hóa.

b) Tăng cường huy động các nguồn lực khác như nguồn lực về đất đai, nguồn nhân lực chất lượng cao...; bảo đảm nguồn lực theo khả năng cân đối của ngân sách từng thời kỳ.

c) Thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo nghệ thuật của thế hệ trẻ, đồng thời xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư, thu hút các nhà sáng tạo nghệ thuật trong nước và quốc tế để tạo ra các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

d) Thực hiện phân cấp, phân quyền cho địa phương trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện của từng địa phương gắn với lợi thế, bản sắc văn hóa, bảo đảm hiệu quả của Chương trình.

đ) Thực hiện phân cấp quản lý, tổ chức triển khai Chương trình theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công; phân rõ trách nhiệm của địa phương và các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc tham gia thực hiện Chương trình. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, hiệu quả và kịp thời ngăn chặn, xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm trong thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành.

e) Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp các quy định hiện hành, bảo đảm triển khai hiệu quả, thống nhất và đồng bộ trong toàn hệ thống. Giao một cơ quan đầu mối chung, điều phối thực hiện Chương trình để tạo ra sự chủ động ở cấp thực hiện và thống nhất trong quá trình triển khai, bảo đảm đạt được mục tiêu.

Danh mục các dự án cụ thể thuộc Chương trình tại Phụ lục kèm theo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Nguồn kinh phí thực hiện bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan.

b) Huy động từ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

c) Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện

các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình; chịu trách nhiệm về số liệu, tiến độ thực hiện, kết quả và hiệu quả của Chương trình.

b) Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả; sơ kết hằng năm, tổng kết việc thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kế hoạch và đề xuất nhu cầu kinh phí sử dụng ngân sách trung ương thực hiện Chương trình hàng năm, theo giai đoạn gửi cơ quan có thẩm quyền.

d) Đề xuất dự toán và quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao trực tiếp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

đ) Tổng hợp kiến nghị và đề xuất xử lý các vướng mắc về cơ chế, chính sách, cơ chế quản lý, giám sát, cơ chế huy động và quản lý các nguồn lực xã hội hóa trong quá trình thực hiện Chương trình.

e) Bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn, phổ biến thông tin, tuyên truyền dưới các hình thức, sản phẩm phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ quản lý, thực hiện Chương trình.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Chương trình.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước xem xét, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Bộ Tài chính căn cứ vào quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước xem xét, bố trí ngân sách sự nghiệp để triển khai thực hiện Chương trình theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước từng thời kỳ.

4. Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình; bảo đảm tiến độ, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm:

a) Chủ động cân đối, bố trí đủ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định, cũng như có giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình tại địa phương.

b) Trong quá trình lập quy hoạch sử dụng đất, xác định cụ thể nhu cầu về diện tích và vị trí đất dành cho xây dựng công trình văn hóa; dành quỹ đất hợp lý tại các vị trí thuận lợi để đầu tư mới các công trình văn hóa trong khuôn khổ Chương trình; đối với các khu đô thị mới, ưu tiên bố trí diện tích và vị trí đất cho xây dựng các công trình văn hóa trong khuôn khổ Chương trình.

c) Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao; ban hành quy định về lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ để thực hiện Chương trình trên địa bàn, bảo đảm không chồng chéo, trùng lắp về phạm vi, đối tượng, nội dung với các chương trình mục tiêu quốc gia, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ của Chương trình đã được phê duyệt.

d) Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng cấp và các sở, ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

đ) Xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết hàng năm và bố trí ngân sách theo phân cấp quản lý để thực hiện Chương trình tại địa phương; gửi các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi.

e) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, sử dụng kinh phí của Chương trình theo đúng quy trình, thủ tục và quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước; đúng nhiệm vụ, đối tượng, hiệu quả, không để thất thoát và chịu trách nhiệm về việc không thực hiện được nhiệm vụ trên địa bàn.

g) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình tại cơ sở, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp để thất thoát, lãng phí kinh phí thực hiện của Chương trình.

h) Theo dõi và chịu trách nhiệm về số liệu, tiến độ thực hiện, nội dung; báo cáo định kỳ, đột xuất về việc thực hiện Chương trình tại địa phương gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	DANH MỤC DỰ ÁN
I	**Bảo tồn, phát huy bền vững các giá trị văn hóa của dân tộc**
1	Đầu tư tu bổ, tôn tạo 02 di sản được UNESCO ghi danh, 15 di tích quốc gia đặc biệt, hỗ trợ chống xuống cấp 150 di tích cấp quốc gia.
2	Xây dựng Hồ sơ khoa học 03 di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu, cần được bảo vệ khẩn cấp để ghi danh vào các Danh sách của UNESCO.
3	Đầu tư xây dựng Trung tâm quốc gia về bảo quản hiện vật tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia.
II	**Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, không gian văn hóa sáng tạo**
1	Nghiên cứu, phát triển tổ hợp Trung tâm Nghệ thuật biểu diễn quốc gia
2	Nghiên cứu xây dựng Dàn nhạc Dân tộc quốc gia Việt Nam
3	Triển khai Đề án "Trung tâm phát hành và phổ biến phim trực tuyến"
III	**Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần, năng lực thẩm mỹ của nhân dân**
1	Hỗ trợ trang thiết bị về tuyên truyền lưu động cho đội thông tin lưu động tại vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số
2	Xây dựng và triển khai các hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường và cho thanh thiếu niên Việt Nam
3	Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số ở Việt Nam giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn 2045
IV	**Phát triển đội ngũ văn nghệ sỹ, trí thức và nguồn nhân lực quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa**
1	Triển khai Chương trình khoa học nghiên cứu cơ bản về văn hóa, về văn hóa trong xã hội số, văn hóa đặc thù của các dân tộc, nghệ thuật truyền thống.

TT	DANH MỤC DỰ ÁN
2	Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn về phê bình, giám tuyển thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật và chuyên gia giám định cổ vật.
V	**Phát triển các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật có giá trị đỉnh cao về nghệ thuật và tư tưởng**
1	Xây dựng và triển khai Chương trình sáng tác văn hóa, nghệ thuật Việt Nam trong 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng.
2	Triển khai nhà hát truyền hình, nhà hát trực tuyến (online) phát trên các nền tảng kỹ thuật số
3	Xây dựng công cụ hỗ trợ phát hiện các vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường số và mạng internet
VI	**Quảng bá hình cảnh đất nước, văn hóa và con người Việt Nam ra thế giới**
1	Tổ chức dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.
2	Đăng cai, tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế có quy mô, uy tín tại Việt Nam